

Bản án số: 534/2024/DS-ST
Ngày: 06/8/2024.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Nguyễn Văn Vân.

2- Bà Trần Thị Lợi.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồ Quyết Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh:*
Ông Đào Văn Tiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 657/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2023 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 345/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 372/2024/QĐST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần S, địa chỉ: Số B, đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: Số C, Quốc lộ B, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N; địa chỉ: Số C, Quốc lộ B, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền số 41/2024/GUQ-CNCC ngày 17/01/2024) (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1997; địa chỉ: Số A, Đường số E, Tổ F, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 18/7/2023, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S trình bày:

Ngày 13/11/2019, khách hàng Nguyễn Thị Phương T có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng (gọi tắt là Hợp đồng) bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Căn cứ thu nhập của khách hàng Nguyễn Thị Phương T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng, số thẻ 486265-1133 với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng để sử dụng cho mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, khách hàng Nguyễn Thị Phương T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 108.131.837 đồng đối với T1 tín dụng số 486265-1133. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, khách hàng Nguyễn Thị Phương T đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 98.490.000 đồng. Tổng số dư nợ thẻ tín dụng gồm nợ gốc và lãi khách hàng Nguyễn Thị Phương T chưa thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 27/06/2023 là 46.799.152 đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng khách hàng Nguyễn Thị Phương T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của khách hàng Nguyễn Thị Phương T (Thẻ tín dụng số 486265-1133 chuyển nợ xấu ngày 22/08/2022) và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 27/06/2023, khách hàng Nguyễn Thị Phương T còn nợ Ngân hàng với số tiền cụ thể như sau: Nợ gốc là 33.387.316 đồng, lãi quá hạn là 13.411.836 đồng, tổng cộng là 46.799.152 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu khách hàng Nguyễn Thị Phương T có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên khách hàng Nguyễn Thị Phương T vẫn chưa thanh toán khoản nợ thẻ tín dụng quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Tuyên buộc khách hàng Nguyễn Thị Phương T phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/06/2023 là 46.799.152 (bốn mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn một trăm năm mươi hai) đồng, trong đó: Nợ gốc là 33.387.316 đồng, lãi quá hạn là 13.411.836 đồng.

- Buộc khách hàng Nguyễn Thị Phương T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày 27/06/2023 cho đến khi trả dứt nợ thẻ tín dụng theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Do bị đơn bà Nguyễn Thị Phương T đã được Tòa án tổng đạt Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng bà T vẫn cố tình vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được nên phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- * Ông Nguyễn Văn N, là người diện hợp pháp của nguyên đơn, yêu cầu:

- Tuyên buộc bà Nguyễn Thị Phương T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 05/8/2024 là 64.377.772 (sáu mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi hai) đồng, trong đó: Nợ gốc thẻ tín dụng là 33.387.316 đồng, lãi thẻ tín dụng là 30.990.456 đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị Phương T có trách nhiệm thanh toán tiền lãi thẻ tín dụng phát sinh sau ngày 05/8/2024 cho đến ngày thanh toán hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương T vắng mặt nên không có ý kiến.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định, về thời hạn chuẩn bị xét xử vi phạm điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, kiến nghị Tòa án khắc phục.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Khoản 3 Điều 40, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 7, Điều 8, Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

+ Buộc bà Nguyễn Thị Phương T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền tạm tính đến ngày 05/08/2024 là 64.377.772 đồng, trong đó: Nợ gốc thẻ tín dụng là 33.387.316 đồng, lãi thẻ tín dụng tồn đọng là 30.990.000 đồng.

+ Buộc bà Nguyễn Thị Phương T có trách nhiệm thanh toán tiền lãi phát sinh sau ngày 05/8/2024 cho đến khi trả dứt nợ thẻ tín dụng theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

[1] Theo nội dung đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà T cư trú tại huyện C do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[2] Bà Nguyễn Thị Phương T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[3] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà T trả số tiền tạm tính đến ngày 27/06/2023 là 46.799.152 (bốn mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn một trăm năm mươi hai) đồng, trong đó: Nợ gốc là 33.387.316 đồng, lãi quá hạn là 13.411.836 đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà T trả số tiền tạm tính đến ngày 05/8/2024 là 64.377.772 (sáu mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi hai) đồng, trong đó: Nợ gốc thẻ tín dụng là 33.387.316 đồng, lãi thẻ

tín dụng là 30.990.456 đồng. Việc bổ sung yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, căn cứ khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận việc bổ sung yêu cầu của nguyên đơn.

* Về nội dung:

[4] Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ có tại hồ sơ, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định:

Ngày 13/11/2019, bà Nguyễn Thị Phương T có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Căn cứ thu nhập của bà T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng, số thẻ 486265-1133 với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng để sử dụng cho mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 108.131.837 đồng đối với T1 tín dụng số 486265-1133. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến khi có tranh chấp, bà T đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 98.490.000 đồng. Ngân hàng nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ nên phát sinh tranh chấp.

[5] Xét nguyên đơn yêu cầu Tòa án:

- Tuyên buộc bà Nguyễn Thị Phương T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 05/8/2024 là 64.377.772 (sáu mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi hai) đồng, trong đó: Nợ gốc thẻ tín dụng là 33.387.316 đồng, lãi thẻ tín dụng là 30.990.456 đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị Phương T có trách nhiệm thanh toán tiền lãi thẻ tín dụng phát sinh sau ngày 05/8/2024 cho đến ngày thanh toán hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 13, Điều 18, Điều 20 và Điều 21 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1; Điều 7, Điều 8, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[6] Bị đơn bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát như trên là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 13, Điều 18, Điều 20 và Điều 21 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1;

- Căn cứ vào Điều 7, Điều 8, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S:

- Buộc bà Nguyễn Thị Phương T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền tính đến ngày 05/8/2024 là 64.377.772 (sáu mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi hai) đồng, trong đó: Nợ gốc thẻ tín dụng là 33.387.316 (ba mươi ba triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn ba trăm mười sáu) đồng, lãi thẻ tín dụng là 30.990.456 (ba mươi triệu chín trăm chín mươi nghìn bốn trăm năm mươi sáu) đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị Phương T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tiền lãi thẻ tín dụng phát sinh kể từ ngày tiếp theo ngày 05/8/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

2. Án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Phương T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 3.218.889 (ba triệu hai trăm mười tám nghìn tám trăm tám mươi chín) đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.169.979 (một triệu một trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi chín) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0017274 ngày 29/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp . Hồ Chí Minh (01b);
- VKSND H.Củ Chi (02b);

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THA Dân sự H.Củ Chi (01b);
- Các đương sự (02b);
- Lưu: Vp, hồ sơ (02b).

Trương Văn Thắm